

PHÂN TÍCH NGHĨA BIỂU HIỆN TRONG SÁCH GIÁO KHOA ĐẠO ĐỨC 1 THEO LÍ THUYẾT NGỮ PHÁP HÌNH ẢNH CỦA KRESS VÀ VAN LEEUWEN

NGUYỄN THỊ KIM CÚC¹

Abstract: This article applies the theory of Visual Grammar developed by Kress & Van Leeuwen to analyze images in grade 1 Moral Education textbooks in Vietnam, from the perspective of Systemic Functional Grammar (SFG). Accordingly, the paper consists of three main sections: 1/ the theoretical framework; 2/ an analysis of images expressing narrative representation in grade 1 Moral Education textbooks based on Visual Grammar; and 3/ remarks and recommendations on designing and utilizing images in teaching grade 1 moral education textbooks. The findings of the article contribute to suggesting a new approach to teaching Moral Education at the primary level, while also offering practical insights for the design of visuals in textbooks.

Keywords: *systemic functional grammar, visual grammar, representational meaning, textbooks*

1. Đặt vấn đề

Trong ngữ pháp chức năng hệ thống, các nhà nghiên cứu coi ngôn ngữ là nguồn lực tạo nghĩa và tập trung nghiên cứu ngôn ngữ trong ngữ cảnh, dựa trên quan điểm kí hiệu học mang bản chất xã hội. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của truyền thông, hướng tiếp cận này đã có bước phát triển để mở rộng thành một khung lí thuyết ngôn ngữ học rộng lớn – ngôn ngữ học chức năng hệ thống. Đối tượng nghiên cứu của ngôn ngữ học chức năng hệ thống không còn bó hẹp ở phương tiện ngôn ngữ mà đã chuyển sang quan điểm đa phương thức, trong đó các phương thức kí hiệu khác nhau được kết hợp với nhau để cùng chuyển tải ý nghĩa. Theo quan điểm hiện đại này, ngôn ngữ chỉ được xem là một trong nhiều phương thức kiến tạo ý nghĩa bên cạnh các phương thức phi ngôn ngữ khác như hình ảnh, âm thanh,.... Từ quan điểm đó, lí thuyết ngữ pháp hình ảnh của Kress và van Leeuwen ra đời và được giới ngôn ngữ học đặc biệt quan tâm, áp dụng trong nhiều nghiên cứu trong đó có những nghiên cứu liên quan đến phân tích hình ảnh trong sách giáo khoa (SGK).

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi áp dụng lí thuyết Ngữ pháp hình ảnh của Kress và van Leeuwen, đặc biệt tập trung vào phân tích nghĩa biểu hiện - một trong ba thành phần nghĩa bên cạnh nghĩa tương tác và nghĩa bố cục vào phân tích hình ảnh trong SGK *Đạo đức 1*. Việc lựa chọn hướng tiếp cận này xuất phát từ đặc thù của môn học. Môn *Đạo đức 1* hướng tới việc trang bị cho học sinh hiểu biết nền tảng về các chuẩn mực đạo đức và pháp luật, bồi dưỡng những tình cảm, thái độ sống tích cực, đồng thời rèn luyện kĩ năng tự nhận thức, điều chỉnh hành vi để hình thành những thói quen, nền nếp cơ bản trong học tập và sinh hoạt. Đây vốn là những nội dung mang tính tinh thần và khá trừu tượng. Tuy nhiên, năng lực ngôn ngữ và kinh nghiệm sống của học sinh lớp 1 còn hạn chế. Điều này khiến việc tiếp thu những kiến thức qua kênh ngôn ngữ trở thành một thách thức lớn. Trong bối cảnh đó, hình ảnh được lựa chọn và trở thành một phương thức quan trọng để truyền tải kiến thức. Hình ảnh khi ấy không phải là phương tiện minh họa trực quan đơn thuần mà đóng vai trò là một nguồn lực tạo nghĩa. Thông qua việc phân tích nghĩa biểu hiện, chúng tôi hướng đến việc làm rõ cách thức hình ảnh tái hiện thực tại, cụ thể hóa các tình huống đời sống, các hành vi cũng như cảm xúc và chuẩn mực đạo đức. Chính sự tái hiện sinh động này là cơ sở giúp giáo viên khơi gợi kiến thức và làm tăng hứng thú học tập cho học sinh, từ đó giúp học sinh tiếp thu các bài học đạo đức một cách tự nhiên và hiệu quả nhất.

Từ năm học 2026 - 2027, thực hiện chủ trương chuẩn hóa giáo dục phổ thông của Bộ Chính trị, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 3588/QĐ-BGDĐT chọn bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc*

¹ Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: kimcucnguyen1902@gmail.com

sống làm bộ SGK sử dụng thống nhất toàn quốc, thay thế cho 5 bộ sách được phê duyệt trước đó vào năm 2019. Dựa theo sự điều chỉnh pháp lý này, bài viết của chúng tôi sẽ tập trung nghiên cứu hình ảnh trong SGK *Đạo đức 1* thuộc bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* (từ đây gọi tắt là SGK *Đạo đức 1*).

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Lý thuyết ngữ pháp hình ảnh trong mối quan hệ với ngữ pháp chức năng hệ thống

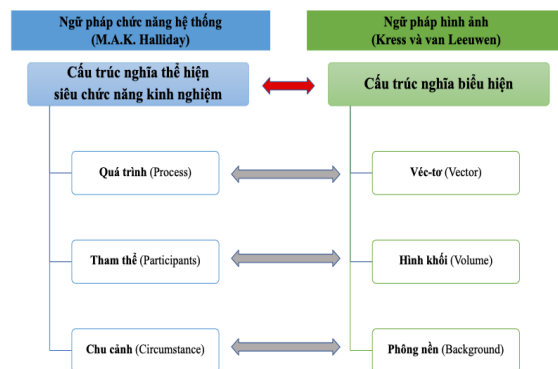
Ngữ pháp chức năng hệ thống (Systemic Functional Grammar – SFG) do M.A.K. Halliday khởi xướng tiếp cận ngữ pháp là một hệ thống các lựa chọn tạo nghĩa nhằm thực hiện các chức năng giao tiếp trong ngữ cảnh xã hội cụ thể. Ngay từ khi mới ra đời, SFG đã tỏ rõ ưu thế so với ngữ pháp truyền thống khi chú ý tới việc miêu tả, giải thích, nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ không chỉ trên bình diện cấu trúc mà còn chú ý tới bình diện ngữ nghĩa và ngữ dụng trong sự tương tác lẫn nhau. Theo mô hình này, ngôn ngữ được coi là nguồn lực tạo nghĩa, được lựa chọn để thực đồng thời ba siêu chức năng (metafunction) cơ bản: kinh nghiệm (ideational), liên nhân (interpersonal), văn bản (textual).

Kress và van Leeuwen đưa quan điểm về ba siêu chức năng của SFG vào nghiên cứu trong lĩnh vực thị giác và phát triển thành lý thuyết Ngữ pháp hình ảnh (*Visual Grammar*). Hai tác giả khẳng định rằng hình ảnh là một phương thức kí hiệu có khả năng tạo nghĩa, cũng có thể “nói” về thế giới bằng cách sử dụng các yếu tố vật chất tương ứng. Sự kế thừa này tạo ra một hệ thống đối ứng chặt chẽ: *siêu chức năng kinh nghiệm, liên nhân và văn bản* trong ngôn ngữ lần lượt tương ứng với ba thành phần *nghĩa biểu hiện (representation), tương tác (interaction) và bố cục (composition)* trong hình ảnh.

Xuất phát từ mục tiêu làm rõ cách thức hình ảnh trong SGK *Đạo đức 1* tái hiện thực tại, cụ thể hóa các tình huống đời sống, các hành vi cũng như cảm xúc và chuẩn mực đạo đức, ở phần cơ sở lý thuyết này, bài viết tập trung giới thuyết về siêu chức năng kinh nghiệm trong ngôn ngữ học chức năng hệ thống và sự tương ứng của nó trong thành phần nghĩa biểu hiện của hình ảnh theo lý thuyết Ngữ pháp hình ảnh.

Trong ngôn ngữ học chức năng hệ thống, siêu chức năng kinh nghiệm phản ánh kinh nghiệm của con người về thế giới. Siêu chức năng này xây dựng sự biểu đạt về những gì “đang diễn ra” trên thế giới. Halliday gọi nó là các quá trình (process). Ông phân loại các quá trình ra thành sáu loại: vật chất (*material*), hành vi (*behavioral*), phát ngôn (*verbal*) và tinh thần (*mental*), quan hệ (*relational*) và hiện hữu (*existential*) trong đó vật chất, tinh thần, quan hệ là ba quá trình chính. Trong ngôn ngữ, mỗi một quá trình sẽ được đặc trưng bởi một cấu trúc gồm: quá trình (*process*), tham thể (*participants*) và chu cảnh (*circumstance*).

Trong Ngữ pháp hình ảnh, Kress và van Leeuwen gọi thành phần nghĩa tái hiện thực là nghĩa biểu hiện (representational meaning) tương ứng siêu chức năng kinh nghiệm trong SFG. Nếu trong ngôn ngữ, siêu chức năng kinh nghiệm tái hiện thực thông qua các quá trình (process) với cấu trúc đặc trưng gồm: quá trình (*process*), tham thể (*participants*) và chu cảnh (*circumstance*) thì trong hình ảnh, quá trình được thể hiện bằng các véc-tơ (*vector*), tham thể được thể hiện bằng các hình khối (*volume*), còn chu cảnh được thể hiện bằng phông nền (*background*). Đây là mã cách hình ảnh “kể câu chuyện” về thế giới.



Sơ đồ 1. Sự tương ứng các thành phần trong cấu trúc nghĩa giữa siêu chức năng kinh nghiệm (Ngữ pháp chức năng hệ thống) và thành phần nghĩa biểu hiện (Ngữ pháp hình ảnh)

2.1.2. Nghĩa biểu hiện trong lý thuyết Ngữ pháp hình ảnh của Kress và van Leeuwen

Trong lý thuyết Ngữ pháp hình ảnh, nghĩa biểu hiện (representational meaning) hoạt động theo một cấu trúc nghĩa đặc trưng bao gồm ba thành tố thị giác cốt lõi: véc-tơ (vector); hình khối (volume); phòng nền (background).

Véc-tơ là yếu tố thị giác, thường xuất hiện dưới dạng những đường xiên hoặc đường chéo nổi bật, qua đó tổ chức định hướng mạch nhìn cho người xem. Véc-tơ có thể được tạo ra từ các bộ phận cơ thể của tham thể như cánh tay đưa ra, ánh mắt hướng nhìn, từ các công cụ hay vật thể mà tham thể đang sử dụng hay các mũi tên nhằm biểu thị hướng di chuyển hoặc mối quan hệ giữa các đối tượng. Việc nhận diện và phân tích véc-tơ vì thế giữ vai trò then chốt trong việc xác định các **quá trình** trong hình ảnh, góp phần làm rõ cấu trúc ý nghĩa biểu hiện được kiến tạo qua các yếu tố vật chất tồn tại trong hình ảnh.

Dựa vào sự hiện diện hoặc vắng mặt của véc-tơ, nghĩa biểu hiện được chia thành hai loại chính: **nghĩa tường thuật** (narrative meaning) và **nghĩa khái niệm** (conceptual meaning). Trong **nghĩa tường thuật** (narrative meaning), hình ảnh tái hiện các sự kiện, hành động và diễn biến thông qua sự hiện diện của véc-tơ, qua đó thể hiện tính “đang xảy ra” của thực tại. Các quá trình tường thuật bao gồm: **quá trình hành động**, trong đó có một *Hành thể* (Actor) thực hiện hành động hướng tới một *Đích thể* (Goal); **quá trình phản ứng**, được biểu hiện chủ yếu qua hướng nhìn hay ánh mắt, với *Ứng thể* (Reactor) là nhân vật phản ứng trước một hiện tượng hay đối tượng; **quá trình phát ngôn**, trong đó *Phát ngôn thể* (Sayer) tạo ra lời nói được thể hiện bằng các phương tiện trực quan như bong bóng lời thoại, dải ruy băng lời nói hoặc văn bản trích dẫn; **quá trình tính thần**, thể hiện hoạt động nhận thức, suy nghĩ hay cảm xúc của *Cảm thể* (Sensor) thông qua bong bóng suy nghĩ hoặc nét mặt, tư thế mang tính biểu cảm; và **quá trình chuyển đổi**, nơi xuất hiện *Chuyển thể* (Relay) với vai trò trung gian, vừa tiếp nhận một hành động vừa khởi phát một hành động khác, tạo nên chuỗi vận động liên hoàn trong hình ảnh.

Ngược lại, **nghĩa khái niệm** (conceptual meaning) không nhấn mạnh diễn biến mà tập trung vào việc biểu đạt bản chất, cấu trúc và các mối quan hệ mang tính ổn định giữa các tham thể, thường không có véc-tơ. Các quá trình khái niệm gồm: **quá trình phân loại**, thiết lập quan hệ loại – thuộc loại giữa các tham thể, có thể ở dạng *phân loại ẩn*, *phân loại công khai một cấp độ hoặc nhiều cấp độ*; **quá trình phân tích**, thể hiện mối quan hệ bộ phận – toàn thể, trong đó *Đương thể* (Carrier) được làm rõ thông qua các *Thuộc tính sở hữu* (Possessive Attributes); và **quá trình biểu tượng**, nơi các tham thể mang ý nghĩa tượng trưng hoặc bản chất trừu tượng, bao gồm kiểu thuộc tính biểu tượng (gán trực tiếp ý nghĩa cho *Đương thể*) và kiểu gợi ý biểu tượng, trong đó ý nghĩa được khơi gợi gián tiếp qua bối cảnh, tư thế, biểu cảm hay đạo cụ đi kèm.

Hình khối biểu đạt các **tham thể** - những thực thể tham gia vào các quá trình. Hình khối thường được khắc họa bằng đường nét rõ ràng, chi tiết sắc nét và màu sắc nổi bật nhằm thu hút trực tiếp thị giác người xem. Trong khi đó, **phông nền** đảm nhận chức năng như các **chu cảnh** (circumstances), thiết lập không gian, thời gian và môi trường. Mặc dù thường được thiết kế theo hướng giản lược, ít chi tiết, làm nhạt màu hoặc bị chùng lún bởi các hình khối phía trước nhằm tôn lên chủ thể chính, phông nền vẫn là một yếu tố cấu thành nghĩa không thể thiếu. Nó giúp liên kết các tình huống và giải mã trọn vẹn thông điệp cũng như ý nghĩa sâu xa mà bức tranh muốn truyền tải.

Như vậy, kế thừa những nội dung về siêu chức năng kinh nghiệm của SFG, Ngữ pháp hình ảnh của Kress và Leeuwen cũng quan tâm đến sự biểu đạt của hình ảnh về những gì “đang diễn ra” trên thế giới. Chúng tôi sẽ tiến hành phân tích cụ thể sự biểu đạt này thông qua hình ảnh thể hiện nghĩa tường thuật trong SGK Đạo đức 1.

2.2. Phân tích hình ảnh thể hiện nghĩa tường thuật trong SGK Đạo đức 1 theo lý thuyết Ngữ pháp hình ảnh của Kress và Van Leeuwen

Chúng tôi tiến hành thống kê và phân loại hệ thống hình ảnh trong SGK Đạo đức 1. Kết quả cho thấy số lượng hình ảnh trong cuốn sách rất lớn: 327 hình ảnh trên tổng số 65 trang nội dung của cuốn

sách². Như vậy, trung bình số hình ảnh trên một trang sách là hơn 5. Điều này chứng tỏ những hình ảnh được đưa vào trong SGK Đạo đức 1 đóng vai trò rất quan trọng trong việc truyền tải ý nghĩa, thông điệp.

Trong quá trình khảo sát, chúng tôi thấy hình ảnh trong SGK Đạo đức 1 thuộc về 2 loại: tranh vẽ và sơ đồ. Tuy nhiên, tỉ lệ giữa 2 thể loại này cũng có sự chênh lệch khá lớn. Việc hình ảnh trong SGK Đạo đức 1 chủ

yếu là hình vẽ, trong khi sơ đồ chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh đầu cấp. Hình vẽ cho phép tái hiện trực quan các tình huống đời sống, hành vi và cảm xúc, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc quan sát, nhập vai và thảo luận. Ngược lại, sơ đồ mang tính trừu tượng cao, phù hợp hơn với việc hệ thống hóa tri thức, nên chỉ được sử dụng hạn chế trong những nội dung cần khái quát hóa hoặc định hướng nhận thức.

Chúng tôi cũng tiến hành khảo sát và phân loại các hình ảnh thể hiện nghĩa tường thuật và nghĩa khái niệm, đồng thời hệ thống các quá trình của từng loại nghĩa biểu hiện trong SGK Đạo đức 1 theo quan điểm của Kress và van Leeuwen. Nếu trong ngôn ngữ, mỗi cú là một “sự thể hiện”, tương ứng với một quá trình thì hình ảnh lại có khả năng biểu đạt nhiều hơn một quá trình. Các quá trình khác nhau có thể đồng hiện trong một hình ảnh. Kết quả thu được như sau:

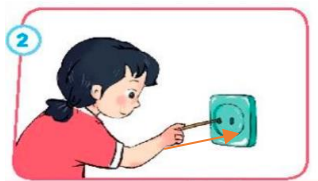
Bảng 2. Hệ thống các quá trình thể hiện nghĩa biểu hiện trong SGK Đạo đức 1

Nghĩa	Nghĩa tường thuật					Nghĩa khái niệm		
	Hành động	Phản ứng	Tình thần	Phát ngôn	Chuyển đổi	Phân loại	Phân tích	Biểu tượng
Số lượng	222	31	86	19	0	26	17	1
Tỉ lệ	67,89%	9,48%	26,30%	5,81%	0,00%	7,95%	5,20%	0,31%

Có thể thấy, hình ảnh thể hiện nghĩa tường thuật chiếm ưu thế rõ rệt cả về số lượng lẫn tỉ lệ xuất hiện so với nghĩa khái niệm. Điều này phản ánh xu hướng tổ chức hình ảnh như một câu chuyện để kể, tái hiện và dẫn dắt các sự việc trong đó nhân vật được đặt vào những tình huống quen thuộc để người học quan sát, theo dõi và rút ra bài học. Ngược lại, nghĩa khái niệm xuất hiện với tỉ lệ khiêm tốn hơn cho thấy hình ảnh mang tính khái quát, hệ thống hóa hoặc trừu tượng hóa không phải là hình thức biểu đạt chủ đạo. Cách tổ chức này phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh nhỏ tuổi và mục tiêu giáo dục của môn học. Chính vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi sẽ tập trung vào phân tích hình ảnh thể hiện nghĩa tường thuật trong hình ảnh SGK Đạo đức 1 theo lí thuyết Ngữ pháp hình ảnh của Kress và van Leeuwen.

2.2.1. Các kiểu quá trình tường thuật trong cấu trúc nghĩa biểu hiện qua các hình ảnh SGK Đạo đức 1

Ở bình diện nghĩa tường thuật, các quá trình hành động chiếm ưu thế tuyệt đối với 222 trường hợp, tương ứng 67,89%. Quá trình hành động được thể hiện thông qua các hành động mang tính vật lí và có thể quan sát trực tiếp như di chuyển, trao - nhận, nhặt, vứt, quét dọn, sắp xếp,... Các quá trình này thường được kiến tạo bằng véc-tơ xuất phát từ hướng cơ thể hoặc hướng đồ vật.



Hình 1. Hình ảnh thể hiện quá trình hành động (trang 65)

Trong hình 1, nhân vật đang cầm một vật nhọn chọc vào ổ điện. Quá trình hành động này mang tính chất vật lí, được thể hiện rõ ràng, có thể quan sát trực tiếp. Véc-tơ hành động được kiến tạo từ hướng cơ thể, bàn tay cầm vật nhọn đang kéo dài về phía ổ điện, tạo nên đường chuyển động rõ ràng từ Hành thể (Actor) là học sinh đến Đích thể (Goal) là ổ điện.

² Không tính trang bìa, bìa lót, lời nói đầu, mục lục, phụ lục

Sở dĩ quá trình hành động chiếm tỉ lệ lớn nhất và phong phú nhất vì những hành động có tính vật lí sẽ cụ thể, dễ hiểu, dễ quan sát và dễ giải mã thông điệp, phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh lớp 1. Hơn nữa, môn *Đạo đức* ở Tiểu học không chỉ dạy kiến thức mà hướng tới giáo dục học sinh hình thành thói quen, việc làm tích cực. Do đó, các hình ảnh cần minh họa việc làm đúng - sai rõ ràng sẽ giúp học sinh biết nên làm gì và không nên làm gì trong hoàn cảnh tương tự ngoài đời sống.

Tiếp theo là quá trình tinh thần. Quá trình tinh thần phản ánh các trạng thái nội tâm như suy nghĩ, cảm xúc, mong muốn,... và thường được biểu đạt gián tiếp thông qua biểu cảm khuôn mặt hoặc bong bóng suy nghĩ.

Quá trình tinh thần xuất hiện trong 86 hình ảnh chiếm tỉ lệ 26,30%, cho thấy hình ảnh trong SGK *Đạo đức 1* không chỉ dừng lại ở việc mô tả hành động bên ngoài mà còn chú ý đến việc biểu đạt trạng thái nội tâm, cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật. Trong hình 2, quá trình tinh thần là quá trình nổi bật biểu đạt cả sự tri giác, tri nhận và tình cảm của nhân vật học sinh. Quá trình tinh thần được nhận diện chủ yếu qua nét mặt hoảng hốt, tư thế cơ thể co, miệng mở, mắt mở to và hướng về người lạ, cho thấy sự lo sợ và hoảng loạn của nhân vật trước tình huống đang diễn ra.



Hình 2. Hình ảnh thể hiện quá trình tinh thần (trang 70)

Quá trình phản ứng được nhận diện qua hướng nhìn, nét mặt hoặc cử chỉ thể hiện sự phản ứng của nhân vật trước một hiện tượng hay đối tượng nào đó, qua đó biểu đạt thái độ, cảm xúc hoặc sự chú ý.



Hình 3. Hình ảnh thể hiện quá trình phản ứng (trang 38)

Trong hình 3, học sinh nam ngồi bên trái đóng vai trò là *Ứng thể* có nét mặt lo lắng, ánh mắt hướng về phía bàn học bừa bộn và bạn nữ ngồi cạnh, cho thấy một phản ứng cảm xúc trước tình huống đang diễn ra. Véc-tơ phản ứng được kiến tạo chủ yếu từ hướng ánh nhìn và biểu hiện nét mặt, trong đó bàn học lộn xộn và hành vi của bạn trở thành *Hiện tượng* gây ra phản ứng.

Quá trình phát ngôn được thể hiện thông qua các bong bóng thoại, dấu hiệu ngôn ngữ trực quan, hoặc qua khuôn miệng và cử chỉ cho thấy quá trình truyền đạt thông tin giữa các nhân vật.



Hình 4. Hình ảnh thể hiện quá trình phát ngôn với dấu hiệu nhận biết là bong bóng thoại (trang 22)



Hình 5. Hình ảnh thể hiện quá trình phát ngôn với dấu hiệu nhận biết là cử chỉ của nhân vật (trang 18)

Quá trình phản ứng xuất hiện trong 31 hình ảnh, chiếm 9,48%; quá trình phát ngôn xuất hiện với số lượng và tần suất thấp hơn (19 hình ảnh, 5,81%). Hai quá trình này chủ yếu đóng vai trò hỗ trợ cho mạch tường thuật. Chúng giúp làm rõ sự tương tác giữa các nhân vật, cũng như cách nhân vật trao đổi thông tin trong những tình huống cụ thể.

Trong khảo sát của chúng tôi, quá trình chuyển đổi – một dạng đặc biệt của quá trình hành động với sự xuất hiện của một tham thể thứ ba gọi là Chuyển thể (*Relay*) có vai trò kép: vừa là Đích thể

(Goal) của một hành động, vừa là Hành thể (Actor) trong một hành động khác - không xuất hiện trong SGK Đạo đức 1.

Thực tế khi khảo sát cụ thể hơn hệ thống hình ảnh thể hiện nghĩa tường thuật, chúng tôi thấy rằng các quá trình thường không tồn tại một cách độc lập mà thường xuyên đồng hiện và tương tác. Một hình ảnh có thể vừa kiến tạo quá trình hành động, vừa gọi mở các quá trình phản ứng, tinh thần.... Vì vậy, việc phân tích các quá trình tường thuật trong hình ảnh không thể dừng lại ở việc nhận diện từng loại quá trình riêng lẻ mà cần đặt chúng trong mối tương quan và tương tác lẫn nhau nhằm làm rõ cách thức hình ảnh tổ chức ý nghĩa một cách toàn diện.



Hình 6. Hình ảnh thể hiện các quá trình cùng xuất hiện để bổ sung cho nhau (trang 49)



Hình 7. Hình ảnh thể hiện các quá trình cùng xuất hiện để thể hiện ý nghĩa đối lập (trang 41)

Hình ảnh 6 là một ví dụ minh họa cho trường hợp các quá trình đồng hiện và bổ sung lẫn nhau trong cùng một khung hình ảnh. Các quá trình phản ứng (thể hiện qua các véc-tơ ánh nhìn của cô giáo và học sinh), tinh thần (bong bóng suy nghĩ có hình cây bút chì), phát ngôn (các bong bóng thoại) và hành động (cánh tay vươn dài cầm hộp bút) đan xen linh hoạt. Sự hỗ trợ lẫn nhau giữa các quá trình này đã kiến tạo nên một tình huống giao tiếp lớp học hoàn chỉnh. Hình ảnh 7 cho thấy nhiều quá trình đồng thời xuất hiện và được tổ chức theo hướng đối lập về ý nghĩa, qua đó làm nổi bật thông điệp giáo dục. Hình ảnh tạo ra sự tương phản mạnh mẽ giữa quá trình hành động gây mất trật tự (chạy, ném máy bay giấy) với quá trình phản ứng và tinh thần thể hiện sự khó chịu của các nhân vật xung quanh (nhắm mắt, mắt nhắm, bịt tai). Chính sự đối lập về véc-tơ, tư thế và biểu cảm này đã làm nổi bật thông điệp giáo dục: phê phán hành vi làm phiền người khác và đề cao ý thức giữ gìn trật tự chung.

Như vậy, trong một hình ảnh, các quá trình không tồn tại một cách tách rời mà thường đồng hiện và được tổ chức theo những mối quan hệ nhất định. Chúng có thể vận hành theo hướng bổ sung, trong đó mỗi quá trình làm rõ, mở rộng hoặc hoàn chỉnh ý nghĩa cho quá trình khác; đồng thời cũng có thể được sắp đặt theo hướng đối lập nhằm tạo ra sự tương phản, nhấn mạnh thông điệp mà hình ảnh muốn truyền tải. Dù theo hướng nào, các quá trình này luôn có mối quan hệ mật thiết và tác động qua lại lẫn nhau, không quá trình nào tồn tại độc lập về mặt ý nghĩa. Chính sự tương tác ấy giúp người xem không chỉ nhận diện được các hành động hay trạng thái riêng lẻ, mà còn hiểu được logic và ý nghĩa hàm ẩn của hình ảnh. Nhờ vậy, tổng thể hình ảnh trở thành một chỉnh thể ý nghĩa thống nhất, trong đó các quá trình cùng phối hợp để biểu đạt thông điệp chung.

2.2.2. Các tham thể trong cấu trúc nghĩa biểu hiện qua các hình ảnh thể hiện nghĩa tường thuật SGK Đạo đức 1

Khi nghiên cứu ý nghĩa được kiến tạo qua hình ảnh, không thể bỏ qua yếu tố tham thể được thể hiện thông qua các hình khối. Các tham thể trong SGK Đạo đức 1 chủ yếu là các nhân vật (học sinh, ông, bà, bố, mẹ, giáo viên...). Đồ vật và con vật có xuất hiện nhưng chiếm tỉ lệ rất nhỏ. Những tham thể này có thể xuất hiện ở tất cả các loại quá trình, từ quá hành động đến quá trình phát ngôn. Cụ thể kết quả khảo sát như sau:

Bảng 3. Bảng thống kê số lượng và tỉ lệ xuất hiện của các tham thể

Tham thể	Học sinh	Ông/bà/bố/mẹ	Anh/chị/em	Giáo viên	Bạn bè	Những người khác	Con vật	Đồ vật
Số lượng	293	63	32	11	71	20	12	6
Tỉ lệ	89,60%	19,27%	9,79%	3,36%	21,71%	6,12%	3,67%	1,83%

Theo khảo sát của chúng tôi, nhân vật trong các hình ảnh đa phần là trẻ em ở giai đoạn đầu cấp Tiểu học, khoảng 6 - 7 tuổi (sau đây gọi là học sinh). Việc lựa chọn nhân vật như vậy vừa bảo nguyên tắc lấy học sinh làm trung tâm trong dạy học, mặt khác cũng ngầm hướng tới mục tiêu môn học. Khi thấy nhân vật là những bạn nhỏ giống mình, học sinh dễ đặt bản thân vào câu chuyện, từ đó hiểu mình nên làm gì trong tình huống tương tự. Tư duy đạo đức và hành vi tích cực cũng được phát triển một cách tự nhiên.

Trong các hình ảnh được khảo sát, các tham thể học sinh thường là những hình khối giữ vai trò trung tâm (volumes) được đánh dấu bằng kích cỡ, vị trí hay màu sắc nổi bật. Tham thể này có thể xuất hiện độc lập một mình (120/293 trường hợp, chiếm 40,96%) nhưng cũng có những trường hợp tham thể xuất hiện cùng các tham thể khác.



Hình 8. Tham thể học sinh xuất hiện độc lập (trang 41)



Hình 9. Tham thể học sinh xuất hiện cùng các tham thể khác (trang 23)

Ngoài tham thể học sinh, tùy vào từng chủ đề bài học, ở nhiều hình ảnh còn có sự xuất hiện của các tham thể khác, có thể sẽ là bố mẹ, ông bà, giáo viên, bạn bè hoặc những người khác (người khuyết tật, người trong siêu thị, bà công, người đi đường, kẻ xấu lạ mặt...). Các tham thể này cũng chính là những người các em được tiếp xúc, giao tiếp trong cuộc sống thực hằng ngày. Kết quả này cũng phù hợp với đặc điểm lứa tuổi của các em: các em mới 6 - 7 tuổi chưa có sự va chạm nhiều trong cuộc sống và môi trường giáo dục các em chủ yếu là trong gia đình và nhà trường. Khi các tham thể cùng đồng hiện, sự tương tác giữa chúng có thể diễn ra theo hai chiều hướng chính: bổ sung hoặc đối lập tùy thuộc vào quá trình mà tham thể thể hiện.

2.2.3. Các chu cảnh trong cấu trúc nghĩa biểu hiện thể hiện qua các hình ảnh thể hiện nghĩa tường thuật SGK Đạo đức 1

Nếu trong ngôn ngữ, ngữ cảnh giữ vai trò rất quan trọng thì trong hình ảnh, phong nền là yếu tố đóng vai trò là chu cảnh và không thể bỏ qua khi kiến giải ý nghĩa. Phong nền của các hình ảnh trong SGK Đạo đức 1 chủ yếu là cảnh vật thuộc 5 kiểu sau: nền trơn, không gian nhà riêng, không gian trường học, không gian công cộng và không gian sinh thái tự nhiên.

Bảng 4. Bảng thống kê số lượng và tỉ lệ xuất hiện của các kiểu phong nền

Kiểu phong nền	Nền trơn	Không gian nhà riêng	Không gian trường học	Không gian công cộng	Không gian sinh thái tự nhiên
Hình ảnh minh họa	 Hình 10. Hình ảnh trích từ trang 18	 Hình 11. Hình ảnh trích từ trang 20	 Hình 12. Hình ảnh trích từ trang 28	 Hình 13. Hình ảnh trích từ trang 16	 Hình 14. Hình ảnh trích từ trang 48
Số lượng	80	116	58	68	5
Tỉ lệ	24,46%	35,47%	17,74%	20,80%	1,53%

Phòng nền trơn giúp làm nổi bật tối đa các tham thể và quá trình. Việc loại bỏ các chi tiết bối cảnh cụ thể (cảnh, đồ vật, địa điểm...) giúp người xem tập trung hoàn toàn vào quá trình đang diễn ra. Đồng thời, nền trơn còn có tác dụng giảm nhiễu nhiễu, tránh việc người xem suy diễn sang những yếu tố ngữ cảnh phụ không cần thiết. Nhờ đó, ý nghĩa trung tâm của hình ảnh được khái quát hóa, mang tính điển hình hơn và dễ liên hệ với nhiều tình huống giao tiếp trong đời sống. Có thể nói, trong trường hợp này, phòng nền trơn đóng vai trò như một “bộ lọc ngữ cảnh”, giúp việc giải mã ý nghĩa trở nên trực diện và hiệu quả hơn.

Ngoài phòng nền trơn, các không gian khác như nhà riêng (phòng khách, phòng ăn, phòng ngủ, phòng tắm/ vệ sinh, sân, vườn...), trường học (trong lớp, sân trường, cổng trường,...), không gian công cộng (bệnh viện, công viên, siêu thị, bể bơi, đường phố, xe buýt....) cũng được tái hiện trong các hình ảnh của SGK *Đạo đức 1*. Đây đều là những địa điểm gần gũi, tái hiện môi trường sống quen thuộc hằng ngày của học sinh. Trong khi đó, không gian sinh thái tự nhiên gắn liền với các truyện kể theo tranh với các con vật là tham thể trung tâm.

Ngoài cảnh vật, con người cũng được thêm vào giữ vai trò như các “chu cảnh”. Những nhân vật này được vẽ với kích cỡ, vị trí hoặc màu sắc ít nổi bật hơn tham thể trung tâm.



Hình 15. Phòng nền có sự xuất hiện của con người đóng vai trò là chu cảnh (trang 31)

Trong hình 15, Nam và Sơn đều là hai tham thể chính thực hiện hai quá trình phát ngôn. Hai tham thể được đặt ở hai không gian khác nhau: trong lớp - ngoài lớp. Các học sinh còn lại trong lớp xuất hiện bên cạnh và phía sau Nam với kích thước nhỏ hơn, không có lời thoại và không trực tiếp tham gia vào tương tác, vì vậy giữ vai trò là yếu tố tái hiện bối cảnh lớp học, trong giờ học, giúp người xem nhận diện rõ tình huống giao tiếp và hiểu được ý nghĩa đạo đức của quyết định của nhân vật Nam.

Trong hình ảnh, phòng nền tuy không giữ vị trí trung tâm như các tham thể chính nhưng lại đóng vai trò quan trọng trong quá trình giải mã ý nghĩa. Phòng nền cung cấp các dấu hiệu về hoàn cảnh diễn ra sự việc, từ đó định hướng cách người xem hiểu và diễn giải hành động, trạng thái, cảm xúc... của các tham thể. Thông qua các chi tiết như địa điểm, nhân vật, đồ vật xung quanh hoặc màu sắc, phòng nền góp phần mở rộng ý nghĩa vượt ra ngoài những gì được thể hiện trực tiếp ở hình khối trung tâm. Ngay cả khi được giản lược về đường nét và màu sắc, phòng nền vẫn có chức năng gợi ý, hỗ trợ và dẫn dắt người xem đến cách hiểu phù hợp với thông điệp mà hình ảnh muốn truyền tải. Vì vậy, phòng nền không chỉ là yếu tố phụ trợ về mặt thị giác mà còn là một thành tố có giá trị trong việc kiến tạo và giải mã nghĩa của hình ảnh.



Hình 16. Hình ảnh có sự phối hợp giữa tham thể và phòng nền trong biểu hiện nghĩa (trang 56)

Trong hình ảnh này, phòng nền phía sau gồm nhà cửa, hàng cây và đường phố được vẽ bằng các nét đơn giản, ít chi tiết, màu sắc nhạt hơn so với các tham thể trung tâm (3 bạn nhỏ đang chơi đá bóng). Việc thiết kế phòng nền theo hướng giản lược như vậy nhằm làm nổi bật hoạt động chơi bóng và sự tương tác giữa các bạn nhỏ. Tuy vậy, mặc dù được thể hiện bằng các nét mờ và ít chi tiết, phòng nền vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc kiến tạo nghĩa của hình ảnh. Các chi tiết phía sau gợi ra bối cảnh

đường phố, từ đó định hướng người xem không chỉ nhận diện hoạt động chơi bóng mà còn suy luận về tính nguy hiểm tiềm ẩn của hành động này, bởi chơi bóng ngoài đường có thể dẫn đến những hậu quả như mất an toàn giao thông hoặc gây tai nạn.

2.3. Một vài nhận xét và đề xuất về việc thiết kế, khai thác hình ảnh trong giảng dạy môn Đạo đức 1

Trong thực tế giảng dạy môn Đạo đức lớp 1, hình ảnh trong SGK được giáo viên khai thác như một công cụ giảng dạy trực quan, tạo tình huống, tăng hứng thú, giúp học sinh dễ tiếp thu và ghi nhớ bài học. Dựa vào hình ảnh trong SGK, giáo viên có thể tổ chức được các hoạt động dạy học khác nhau như đặt câu hỏi, đóng vai, kể chuyện theo tranh,... Hình ảnh cũng kích thích trí tưởng tượng, liên tưởng, từ đó phát triển tư duy trừu tượng và cảm xúc cho học sinh. Đó là một số thuận lợi của việc dạy học qua hình ảnh.

Qua quá trình khảo sát, hệ thống hoá hình ảnh và phân tích nghĩa biểu hiện theo lí thuyết ngữ pháp hình ảnh, chúng tôi thấy rằng hình ảnh trong SGK *Đạo đức 1* được tổ chức chủ yếu theo hướng tường thuật, với các quá trình hành động, phản ứng, phát ngôn và tình thần đã truyền tải rõ ràng và hiệu quả các nội dung giáo dục đạo đức thông qua những tình huống gần gũi với đời sống hằng ngày của học sinh, phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh lớp 1. Bên cạnh đó, sự phối hợp hài hòa giữa các tham thể và phong nền giúp người học dễ dàng nhận diện hành vi, bối cảnh và thông điệp cần lĩnh hội. Nhờ vậy, hình ảnh trở thành một phương tiện truyền tải ý nghĩa góp phần dẫn dắt học sinh suy luận và hình thành các chuẩn mực đạo đức.

Tuy nhiên, cũng có một số hình ảnh người vẽ chưa chú trọng đến việc xây dựng phong nền khiến cho học sinh gặp khó khăn trong lí giải ý nghĩa và phản hồi. Ví dụ trong hình ảnh bên:

Trong bức tranh, cậu bé đang khoanh tay chào ông bà trước khi đi học. Bối cảnh được khắc hoạ lại chưa rõ địa điểm. Nếu phong nền vẽ hình ảnh sân hoặc cổng nhà sẽ truyền tải được nội dung một cách cụ thể, chân thật hơn. Hình ảnh cũng sẽ mang tính hiệu quả cao hơn.



Hình 17. Hình có phong nền chưa rõ (trang 20)

Ở một số hình ảnh, các nét vẽ biểu đạt cảm xúc trên khuôn mặt nhân vật còn được thể hiện khá giản lược khiến người học gặp khó khăn trong việc quan sát và nhận diện trạng thái tâm lí, thái độ hay phản ứng của nhân vật trong từng tình huống cụ thể. Khi biểu cảm khuôn mặt không đủ rõ ràng thì quá trình tinh thần và quá trình phản ứng trong tranh dễ bị bỏ qua dẫn đến hệ quả là thông điệp giáo dục mà hình ảnh hướng tới có thể không được tiếp nhận đầy đủ hoặc phải phụ thuộc nhiều hơn vào lời giảng giải của giáo viên. Điều này phần nào làm giảm hiệu quả tự khám phá và khả năng suy luận trực quan của học sinh khi tiếp cận nội dung bài học.

Từ kết quả phân tích nghĩa biểu hiện của hình ảnh trong SGK *Đạo đức 1*, chúng tôi đề xuất một số lưu ý trong việc lựa chọn, thiết kế hình ảnh để đưa vào sách như sau: *Thứ nhất*, cần chú trọng hơn vào phong nền để tạo không gian có tính định hướng, góp phần làm rõ bối cảnh tình huống. *Thứ hai*, đối với các hình ảnh biểu diễn quá trình tinh thần, cần miêu tả rõ nét mặt, cử chỉ và tư thế của nhân vật để tăng cường biểu đạt các nội dung như cảm xúc, thái độ, suy nghĩ. *Thứ ba*, nên tăng cường tính tương tác của hình ảnh, thông qua việc xây dựng các chi tiết gợi mở, để học sinh dễ dàng đặt câu hỏi, suy luận hoặc nhập vai.

Chất lượng hình ảnh là yếu tố đầu tiên đóng vai trò quan trọng trong việc chuyển tải nội dung thông điệp. Tuy nhiên việc khai thác hình ảnh trong giảng dạy môn *Đạo đức* lớp 1 có hiệu quả hay không lại phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khác như năng lực giảng dạy của giáo viên, năng lực tiếp nhận của học sinh, điều kiện giảng dạy và sự hỗ trợ từ tài liệu hướng dẫn. Trong bối cảnh đó, khung phân tích theo lý thuyết Ngữ pháp hình ảnh của Kress và van Leeuwen cung cấp một công cụ sư phạm đặc lực với những tiêu chí rõ ràng để giáo viên định hướng học sinh quan sát hình ảnh một cách có hệ thống, từ việc nhận diện các tham thể, các quá trình đang diễn ra, đến việc chú ý tới phong nền, bố cục và mối quan hệ giữa các yếu tố trong hình. Nhờ vậy, việc sử dụng khung phân tích không chỉ nâng cao hiệu quả khai thác hình ảnh trong SGK *Đạo đức* 1 mà còn góp phần phát triển năng lực quan sát, tư duy cho học sinh ngay từ năm đầu Tiểu học.

3. Kết luận

Bài viết đã vận dụng khung lý thuyết ngữ pháp hình ảnh của Kress và van Leeuwen để khảo sát và phân tích hình ảnh trong SGK *Đạo đức* 1 (bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*). Kết quả phân tích cho thấy hình ảnh trong sách là một nguồn lực kiến tạo ý nghĩa quan trọng, được thiết kế phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh đầu cấp Tiểu học. Hình ảnh mang nghĩa tường thuật trong cuốn sách này chiếm ưu thế tuyệt đối. Sự đồng hiện và tương tác giữa các quá trình (hành động, tình thần, phản ứng, phát ngôn) đã giúp cụ thể hóa các bài học đạo đức trừu tượng thành những tình huống trực quan, sinh động. Bên cạnh đó, việc sử dụng tham thể trung tâm chủ yếu là học sinh 6 - 7 tuổi đặt trong các chu cảnh quen thuộc (nhà riêng, trường học, công cộng) đã giúp học sinh dễ dàng nhập vai, chia sẻ.

Trên cơ sở phân tích nghĩa biểu hiện trong SGK *Đạo đức* 1 theo lý thuyết Ngữ pháp hình ảnh, chúng tôi đưa ra một vài nhận xét về ưu điểm và hạn chế trong cách thiết kế cũng như khai thác hình ảnh SGK *Đạo đức* 1. Từ đó, chúng tôi đề xuất ứng dụng khung lý thuyết này như một công cụ hữu ích để các họa sĩ, giáo viên và các tác giả của những tài liệu hướng dẫn có thể sử dụng trong quá trình thiết kế và dạy học. Chúng tôi cũng hi vọng kết quả của bài viết sẽ góp phần làm sáng tỏ hơn vấn đề áp dụng khung lý thuyết Ngữ pháp hình ảnh trong phân tích diễn ngôn đa phương thức đang còn khá mới mẻ ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Halliday, M.A.K. (2014). *Dẫn luận ngữ pháp chức năng hệ thống* (H.V. Vân dịch). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Linh, N.H. (2025). *Bộ truyện tranh “Vang danh nghề cổ” nhìn từ lý thuyết phân tích diễn ngôn đa phương thức*, Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
3. Toan, N.T., Nam, T.T., Mai, L.T.T., & Nga, L.T. (2024). *Đạo đức 1 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
4. Toan, N.T., Nam, T.T., Mai, L.T.T., & Nga, L.T. (2024). *Sách giáo viên Đạo đức 1 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)*. NXB Giáo dục Việt Nam.
5. Unsworth, L., & Thu, N.T.B. (2014). *Vai trò của hình ảnh trong SGK Tiếng Anh ở Việt Nam*. Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống, 11(229), 101-104 & 1(231), 93-99.

Tiếng Anh

6. Halliday, M.A.K. (1985). *An Introduction to Functional Grammar*. Edward Arnold.
7. Kress, G. (2011). *Multimodality - A social semiotic approach to contemporary communication*. Routledge.
8. Kress, G., & van Leeuwen, T. (2006). *Reading Images: The Grammar of Visual Design* (2nd ed.). Routledge.
9. Martin, J., & Rose, D. (2012). Genres and Texts: Living in the Real World. *Indonesian Journal of Systemic Functional Linguistics*, 1(1), 1-21.